

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI,
TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hàng Ái Phương và bà Võ Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 402/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-DS, ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1994.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1985.

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Bà M có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà với ông Đỗ Văn T chung sống với nhau từ năm 2008 là tự nguyện, không tổ chức đám cưới đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2011 ngày 13/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2023 thì xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu say chửi vợ con, bỏ bê gia đình, không giúp bà chăm lo cho các con, ông T cũng nhiều lần đánh bà nhưng không gây thương tích nên bà không báo

Công an và chính quyền địa phương biết. Mâu thuẫn chỉ có gia đình ông T biết, nhưng không quan tâm để hai vợ chồng tự giải quyết. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, thời gian không còn sống chung thì vợ chồng không liên lạc, không ai đặt vấn đề vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Văn M1, sinh ngày 09/4/2009, Đỗ Văn T1, sinh ngày 07/7/2015. Từ tháng 11/2023 đến nay ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn bà yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Văn M1, sinh ngày 09/4/2009, Đỗ Văn T1, sinh ngày 07/7/2015, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Văn T vắng mặt nên không trình bày:

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn M, xã N, huyện N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Lê Thị M và ông Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, quyển số 01/2011 ngày 13/9/2011, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông T.

Xét vợ chồng bà Lê Thị M quá trình chung sống có mâu thuẫn. Thời gian sống ly thân ông T không quan tâm bà và cũng không đặt vấn đề vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ điều này phù hợp với xác minh của chính quyền địa phương. Mặt khác ông T biết việc bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông T không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân của bà M, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M.

[2.3] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy từ tháng 11/2023 đến nay ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu tên Đỗ Văn M1, sinh ngày 09/4/2009, Đỗ Văn T1, sinh ngày 07/7/2015. Quá trình giải quyết vụ án cháu T1, cháu M1 có nguyện vọng muốn ở với ông T, nên để ổn định cuộc sống của các cháu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị M là giao cho ông Đỗ Văn T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đỗ Văn M1, sinh ngày 09/4/2009, Đỗ Văn T1, sinh ngày 07/7/2015. Bà M không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Ông Đỗ Văn T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đỗ Văn M1, sinh ngày 09/4/2009; Đỗ Văn T1, sinh ngày 07/7/2015. Bà M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003958 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- UBND xã Vĩnh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Đỗ Thị Lan